

Bản án số: 19/2025/DS-ST

Ngày 11 tháng 8 năm 2025

V/v “Yêu cầu mở lối đi qua BĐS liền kề”.

NHÂN DANH**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KV6 - VL.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim H.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Đoàn Văn V.

- Ông Nguyễn Văn V.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu T - Thư ký Tòa án nhân dân KV6 - VL.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân KV6 - VL tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh T - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân KV6 - VL mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 38/2025/TLST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2025 về việc: “Yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2025/QĐXXST-DS, ngày 22 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn N - sinh năm 1963 và bà Phạm Thị N - sinh năm 1968; địa chỉ: 286/75 ấp SL, xã SĐ, huyện CL, tỉnh BT (địa chỉ hiện nay: 286/75 ấp SL, xã PP, tỉnh VL).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thụy Hồng T, sinh năm 1991; địa chỉ: 07A ấp KHĐ, thị trấn TT, huyện CT, tỉnh BT (địa chỉ hiện nay: 07A ấp KHĐ, xã TT, tỉnh VL). Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T - sinh năm 1948 và bà Ngô Thị Q - sinh năm 1949; Địa chỉ: 254/77 ấp VL, xã VB, huyện CL, tỉnh BT (địa chỉ hiện nay: 254/77 ấp VL, xã PP, tỉnh VL).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: bà Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1976; địa chỉ: ấp VL, xã VB, huyện CL, tỉnh BT (địa chỉ hiện nay: ấp VL, xã PP, tỉnh VL). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà T trình bày:

Vợ chồng ông bà N là chủ sử dụng của thửa đất số 20 tờ bản đồ số 8, diện tích: 2523,9m² tọa lạc tại ấp SL, xã SĐ, huyện CL, tỉnh BT (nay là xã PP, tỉnh VL) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền trên đất số: BM 817918 do UBND huyện CL cấp ngày 13/12/2012.

Để đi từ thửa đất số 20 của vợ chồng ông bà N ra tới đường công cộng thì vợ chồng ông bà N phải đi qua thửa đất số 19, tờ bản đồ số 8 của ông Nguyễn Văn T và bà Ngô Thị Q (ông T là anh ruột của ông N). Ngoài ra, vợ chồng ông bà N còn đi nhờ cầu bê tông bắt từ thửa đất số 19 của vợ chồng ông T qua tới đường công cộng, ngang qua sân nhà của vợ chồng ông T. Nguồn gốc thửa đất số 20 của vợ chồng ông bà N cũng như thửa đất số 19 của vợ chồng ông T là được cha mẹ tặng cho. Từ trước đến nay, vợ chồng ông bà N đều sử dụng lối đi có chiều ngang khoảng 1,5m chiều dài khoảng 20m nằm trên thửa đất số 19 của vợ chồng ông T để đi ra đường công cộng, không ai ngăn cản hay tranh chấp gì. Lối đi này vợ chồng ông bà N đi từ khoảng năm 1991 là đường đất, đến năm 2006, vợ chồng ông T có kêu vợ chồng ông bà N đổ bê tông lối đi để đi sạch sẽ, thuận tiện hơn, vì thế vợ chồng ông bà N đã đổ bê tông lối đi này.

Khoảng năm 2022, vợ chồng ông T có cho vợ chồng con gái của ông bà là vợ chồng cháu Nguyễn Thị Ngọc Q và Võ Thanh T cất một ngôi nhà cấp 4 để ở gần lối đi mà vợ chồng ông bà N đang đi. Tuy nhiên, lối đi của vợ chồng ông bà N đang sử dụng cũng không ảnh hưởng bất kỳ điều gì về việc cất nhà của cháu Q, thế nhưng vợ chồng cháu Q cũng như vợ chồng ông T có vẻ như không muốn cho vợ chồng ông bà N tiếp tục đi trên lối đi này. Đỉnh điểm là gần đây ông T và vợ chồng cháu Q đem trụ sắt và lưới B40 rào toàn bộ lối đi trên phần bê tông mà vợ chồng ông bà N đang đi chỉ chừa lại phần mép đất sát mép con rạch công cộng cho vợ chồng ông bà N đi. Phần mép đất này chỉ khoảng 0,3m, chỉ có thể đi bộ vì sát mép rạch. Vợ chồng ông bà N đã cố gắng năn nỉ vợ chồng ông T nhiều lần là để cho vợ chồng ông bà N đi lối đi cũ, tuy nhiên vợ chồng ông T không đồng ý.

Ngày 07/01/2025, vợ chồng ông bà N đã nộp đơn yêu cầu UBND xã SĐ giải quyết. Ngày 23/01/2025, UBND xã SĐ đã tổ chức hòa giải giữa vợ chồng ông bà N, tuy nhiên tại buổi hòa giải vợ chồng ông T vẫn cương quyết không mở lối đi cho vợ chồng ông bà N.

Để ở, sinh hoạt và canh tác thửa đất số 20, tờ bản đồ số 8 của vợ chồng ông bà N thì ngoài lối đi nằm trên thửa đất số 19 của vợ chồng ông T thì không còn lối đi nào khác để ra được đường công cộng.

Vì vậy, nay vợ chồng ông bà N yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc ông Nguyễn Văn T và vợ là bà Ngô Thị Q phải tiếp tục cho vợ chồng ông bà N sử dụng lối đi có chiều ngang khoảng 1,35m chiều dài khoảng 17,18m diện tích khoảng 18,8m² thuộc thửa đất số 19, tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại ấp SL, xã SĐ, huyện CL, tỉnh BT (nay là 286/75 ấp SL, xã PP, tỉnh VL). Đồng thời, đề nghị Tòa án tuyên cho vợ chồng ông bà N được quyền bắt cầu bê tông nối từ đường công

cộng qua rạch công cộng đến thửa đất số 19 của vợ chồng ông T để vợ chồng ông bà N đi được thuận tiện hợp lý hơn. Vợ chồng ông bà N đồng ý hoàn lại cho vợ chồng ông T giá trị phần đất dùng làm lối đi theo giá của Hội đồng định giá.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Q trình bày: Đơn yêu cầu của ông N phản ánh là hoàn toàn sai sự thật, không đúng với thực tế.

Thứ nhất, ông N nói bị đơn rào lối đi, không đi lại được là sai. Bị đơn không có rào lối đi, vẫn cho đi lại bình thường và cũng không có rào lối đi như ông N đã nói. Thứ hai, ông N nói rằng nhiều lần gặp để trao đổi, năn nỉ về lối đi nhưng thật sự là chưa một lần gặp và giáp mặt trao đổi với ông T, bà Q. Thứ ba, đây là lối đi trên con đê, bờ mấp mủi chứ không phải là đường đi phục vụ nhiều người nên không có quy định về kích cỡ như đã phản ánh. Sự việc này phía bên bị đơn không có lỗi và cũng không có vi phạm pháp luật. Phía ông N phản ánh vô lý không đúng sự thật và có nhiều gian dối, không dám đối mặt mà nhờ người lạ, phía bị đơn không hề biết và cũng không có liên quan gì.

Xét thấy bị đơn không có sai trong vụ việc này nên bị đơn không đồng ý với yêu cầu của ông N, đồng thời dừng làm phiên gia đình bị đơn vì ông bà phải làm ăn lao động nuôi sống gia đình.

Các đương sự thống nhất với kết quả đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 245, 254 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 29, 236 Luật Đất đai năm 2024:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N và bà Phạm Thị N:

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Ngô Thị Q phải dành một phần đất có diện tích 18,8m² (tại vị trí 1-2 chiều dài 17,18m, vị trí 2-3 chiều dài 0,76m, vị trí 3-4 chiều dài 0,59m, vị trí 4-5 chiều dài 12,88m, vị trí 5-6 chiều dài 3,00m, vị trí 6-1 chiều dài 1,70m) (theo *Họa đồ thửa đất (bl 47)*) thuộc một phần thửa 19, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã PP, tỉnh VL để mở lối đi cho ông Nguyễn Văn N và bà Phạm Thị N. Ghi nhận ông N, bà N tự nguyện hoàn trả giá trị đất và cây trồng cho ông T, bà Q số tiền là 20.404.240 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho nguyên đơn được đi qua phần đất thuộc thửa 19, tờ bản đồ số 8, tọa lạc xã SĐ, huyện CL, tỉnh BT (nay là xã PP, tỉnh VL) do ông Nguyễn Văn T và bà Ngô Thị Q, cùng địa chỉ ấp VL, xã VB, huyện CL, tỉnh BT (nay là xã PP, tỉnh VL) đứng tên. Vì vậy, đây là vụ án dân sự về việc “*Yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề*” và

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - VL (trước đây là Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh BT) theo qui định tại Điều 254 Bộ luật dân sự (BLDS) năm 2015; Điều 29, 133, 236 của Luật đất đai (LĐĐ) năm 2024; và Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Nguyên đơn ông Nguyễn Văn N và bà Phạm Thị N là chủ sử dụng phần đất có diện tích 2523,9m² thuộc thửa đất số 20, tờ bản đồ số 08, xã SĐ, huyện CL, tỉnh BT (nay là xã PP, tỉnh VL). Để vào đất canh tác thì nguyên đơn phải đi qua phần đất thuộc thửa đất số 19, tờ bản đồ số 08, xã SĐ, huyện CL, tỉnh BT (nay là xã PP, tỉnh VL) thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn T và bà Ngô Thị Q. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu mở lối đi có diện tích theo đo đạc thực tế là 18,8m² thuộc thửa đất số 19, tờ bản đồ số 08, xã SĐ, huyện CL, tỉnh BT (nay là xã PP, tỉnh VL), có chiều rộng hướng Tây 1,7m, chiều rộng hướng Đông 1,35m, chiều dài 17,18m và 15,88m (Theo họa đồ thửa đất của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện CL, nay là Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai khu vực 21 - VL). Còn bị đơn chỉ đồng ý mở lối đi cho nguyên đơn diện tích 8,5m² có chiều rộng 1,7m và 0,59m, chiều dài 15,49m và 15,88m.

Xét thấy, hiện trạng thửa đất số 20, tờ bản đồ số 08, xã SĐ, huyện CL thuộc quyền sử dụng của ông N, bà N bị vây bọc bởi các bất động sản liền kề và để ra được đường công cộng thì phải đi qua phần đất thuộc thửa đất số 19 thuộc quyền sử dụng của ông T, bà Q. Nguyên đơn và bị đơn đều xác định: nguồn gốc phần đất thuộc thửa 20 của nguyên đơn và thửa 19 của bị đơn có chung nguồn gốc là đất của ông bà, từ trước đến nay, nguyên đơn đều đi lối đi qua phần đất của bị đơn, xung quanh phần đất của nguyên đơn không có lối đi nào khác.

Nguyên đơn yêu cầu lối đi theo họa đồ thửa đất từ điểm 1, 2, 4, 5, 6 có diện tích 18,8m², phần đất lối đi có chiều rộng hướng Tây 1,7m, chiều rộng hướng Đông 1,35m, chiều dài 17,18m và 15,88m. Còn bị đơn thì chỉ cho nguyên đơn đi lối đi từ điểm 1, 2, 3, 8, 7 có diện tích 10,3m² chiều rộng 1,7m và 0,59m, chiều dài 15,49m và 15,88m thuộc phần đất thửa 19 của bị đơn.

Nhận thấy, ý kiến của bị đơn cho nguyên đơn đi lối đi như trên có chiều ngang một đầu 0,59m, không đảm bảo và gây khó khăn cho việc đi lại, không thể vận chuyển hàng hóa từ vườn ra đường công cộng và cũng không thể sử dụng phương tiện giao thông (xe máy) để lưu thông đi ra đường công cộng là không phù hợp với quy định của Điều 254 của BLDS năm 2015.

Điều 254 của BLDS năm 2015 quy định:

1. Chủ sở hữu có bất động sản bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác mà không có hoặc không đủ lối đi ra đường công cộng, có quyền yêu cầu chủ sở hữu bất động sản vây bọc dành cho mình một lối đi hợp lý trên phần đất của họ.

Lối đi được mở trên bất động sản liền kề nào mà được coi là thuận tiện và hợp lý nhất, có tính đến đặc điểm cụ thể của địa điểm, lợi ích của bất động sản bị vây bọc và thiệt hại gây ra là ít nhất cho bất động sản có mở lối đi.

Chủ sở hữu bất động sản hưởng quyền về lối đi qua phải đền bù cho chủ sở hữu bất động sản chịu hưởng quyền, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

2. Vị trí, giới hạn chiều dài, chiều rộng, chiều cao của lối đi do các bên thỏa thuận, bảo đảm thuận tiện cho việc đi lại và ít gây phiền hà cho các bên; nếu có tranh chấp về lối đi thì có quyền yêu cầu Tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác xác định.

.....

Hội đồng xét xử nhận thấy, yêu cầu mở lối đi của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với Điều 254 của BLDS năm 2015 nên được chấp nhận.

Buộc bị đơn ông T, bà Q phải cho nguyên đơn ông N, bà N được sử dụng lối đi theo họa đồ thửa đất từ điểm 1, 2, 4, 5, 6 có diện tích 18,8m², phần đất lối đi có chiều rộng hướng Tây 1,7m, chiều rộng hướng Đông 1,35m, chiều dài hướng Bắc 17,18m và chiều dài hướng Nam 15,88m, thuộc một phần thửa đất 19, tờ bản đồ số 08, toạ lạc ấp Sơn Phụng, xã PP, tỉnh VL do ông T, bà Q đứng tên trên GCNQSDĐ.

[2.2] Căn cứ Điều 254 của BLDS 2015, chủ sở hữu bất động sản hưởng quyền về lối đi qua phải đền bù cho chủ sở hữu bất động sản chịu hưởng quyền. Do đó, nguyên đơn phải đền bù cho bị đơn giá trị của phần đất được mở lối đi và cây trồng trên đất. Theo kết quả định giá của Hội đồng định giá, phần đất được mở lối đi có giá 500.000 đồng/m². Do đó, nguyên đơn phải đền bù cho bị đơn về giá trị đất là 9.400.000 đồng

Ngoài ra, ông Nguyễn Văn T, bà Ngô Thị Q phải chặt bỏ 07 cây mít giai đoạn cuối, 02 cây mít tướt, 02 cây dừa mới trồng, 02 cây dừa khoảng 02 năm tuổi, 01 cây xoài giai đoạn cuối ra khỏi phần lối đi dành cho nguyên đơn ông bà N và ông N, bà N phải bồi thường cho ông T, bà Q giá trị cây trồng giá trị là 11.004.000đồng.

Tổng cộng số tiền nguyên đơn phải có nghĩa vụ đền bù cho bị đơn là 20.404.000 đồng.

Bị đơn không yêu cầu bồi thường gì với lý do không đồng ý cho nguyên đơn sử dụng lối đi, tuy nhiên nguyên đơn đồng ý bồi thường cho bị đơn phần giá trị đất và cây trồng theo giá của Hội đồng định giá như nêu trên, xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên ghi nhận.

Nguyên đơn được đi qua phần đất của bị đơn và việc xây dựng lối đi là đảm bảo thuận tiện, ít gây phiền hà, thiệt hại gây ra là ít nhất cho bất động sản có mở lối đi, đảm bảo theo quy định tại Điều 154 của BLDS năm 2015.

[2.3] Để đi được ra lộ công cộng thì nguyên đơn phải bắt cầu qua con rạch công cộng rồi đến đường lộ công cộng, sự việc này không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và nguyên đơn có nghĩa vụ tự liên hệ với cơ quan có thẩm quyền quản lý con rạch và đường công cộng để xin phép theo quy định.

[3] Xét phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân KV6 - VL về việc mở lối đi cho nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật và có cơ sở nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Điều 12, 24, 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xét yêu cầu về việc mở lối đi của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng nhưng do bị đơn là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn án phí nên không phải nộp.

Nguyên đơn có nghĩa vụ trả cho bị đơn số tiền đền bù là 20.404.000 đồng nên phải chịu án phí có giá ngạch là 1.020.000 đồng, nhưng nguyên đơn ông N thuộc trường hợp được miễn án phí nên không phải nộp, bà N phải nộp tiền án phí là 510.000 đồng được trừ vào số tiền đã nộp 300.000 đồng, bà N phải đóng 210.000 đồng tiền án phí.

[5] Về Chi phí tố tụng là 4.639.000 đồng. Do yêu cầu mở lối đi của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu. Nguyên đơn đã nộp xong số tiền này nên bị đơn phải có nghĩa vụ hoàn lại cho nguyên đơn số tiền là 4.639.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 245, 254 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 29, 133, 239 của Luật đất đai năm 2024; Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 12, 24, 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N và bà Phạm Thị N về việc yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề.

1. Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Ngô Thị Q dành cho ông Nguyễn Văn N, bà Phạm Thị N một lối đi có diện tích 18,8m², loại đất CLN thuộc thửa đất số 19, tờ bản đồ số 08, tọa lạc ấp SL, xã SĐ, huyện CL, tỉnh BT (nay là xã PP, tỉnh VL) do ông Nguyễn Văn T và bà Ngô Thị Q đứng tên, phần lối đi có chiều rộng hướng Tây 1,7m, chiều rộng hướng Đông 1,35m, chiều dài hướng Bắc 17,18m và chiều dài hướng Nam 15,88m (Theo họa đồ thửa đất của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện CL, nay là Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai khu vực 21 - VL), lối đi có tứ cận:

Hướng Bắc giáp rạch, dài cạnh 17,8m.

Hướng Đông giáp thửa 20 của ông Nguyễn Văn N, dài cạnh 1,35m.

Hướng Nam giáp thửa 19 còn lại của ông Nguyễn Văn T, dài cạnh 15,88m.

Hướng Tây giáp thửa 19 còn lại của ông Nguyễn Văn T, dài cạnh 1,7m.

Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Ngô Thị Q phải chặt bỏ 07 cây mít giai đoạn cuối, 02 cây mít tượt, 02 cây dừa mới trồng, 02 cây dừa khoảng 02 năm tuổi, 01 cây xoài giai đoạn cuối ra khỏi phần lối đi dành cho ông Nguyễn Văn N, bà Phạm Thị N.

Nguyên đơn có nghĩa vụ tự liên hệ với cơ quan có thẩm quyền quản lý con rạch và đường công cộng để xin phép được bắt cầu qua con rạch công cộng rồi đến đường công cộng theo quy định.

Buộc nguyên đơn ông Nguyễn Văn N, bà Phạm Thị N phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Ngô Thị Q giá trị phần đất làm lối đi là 9.400.000đồng và giá trị cây trồng trên lối đi là 11.004.000đồng, tổng cộng là 20.404.000đồng.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Văn T, bà Ngô Thị Q được quyền sử dụng hạn chế quyền sử dụng đất do ông Nguyễn Văn T, bà Ngô Thị Q đứng tên đối với phần lối đi 18,8m² mà ông Nguyễn Văn N, bà Phạm Thị N được sử dụng. Việc xác lập quyền sử dụng hạn chế đối với thửa đất liền kề thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự và phải thực hiện đăng ký theo quy định tại Điều 133 của Luật Đất đai năm 2024.

3. Về án phí, lệ phí:

Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Ngô Thị Q phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng, nhưng bị đơn là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn án phí nên không phải nộp án phí.

Buộc ông Nguyễn Văn N, bà Phạm Thị N có nghĩa vụ phải chịu án phí có giá ngạch là 1.020.000 đồng, nhưng ông N là người cao tuổi và thuộc trường hợp được miễn án phí nên không phải nộp, bà N phải nộp tiền án phí là 510.000đồng được trừ vào số tiền đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0009038 ngày 26/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh BT (nay là Phòng Thi hành án KV6 - VL), bà N phải đóng thêm 210.000đồng tiền án phí.

Về Chi phí tố tụng là 4.639.000đồng.

Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Ngô Thị Q phải có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Nguyễn Văn N, bà Phạm Thị N số tiền chi phí tố tụng là 4.639.000đồng.

4. Các đương sự đều có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 11/8/2025) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh VL xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT, TTr và THA tỉnh VL;
- VKSND KV6 - VL;
- Thi hành án dân sự tỉnh VL;
- Các đương sự;
- Lưu HSV&VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã kí tên và đóng dấu)

